

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội



Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Tên viết tắt: TPS

Địa chỉ trụ sở chính: 720, Quốc lộ 1A, khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: 08 37161333

Fax: 08 37160891

Website: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn, mã chứng khoán: TPS xin công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về văn bản số 26/SC-TCKT ngày 10/01/2019 của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn –TNHH MTV về việc điều chỉnh số kế toán và hồi tố báo cáo tài chính năm 2017 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và văn bản số 909/TB-KVIV ngày 30/11/2018 của Kiểm toán nhà nước Khu vực IV.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/01/2019 tại đường dẫn <http://benbaivantaisaigon.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố./.

TPHCM, ngày 11 tháng 01 năm 2019

Đại diện doanh nghiệp

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Cơ Chứng Chín.

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(SAMCO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26 /SC-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2019

V/v điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo tài chính năm 2017 theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

Kính gửi:

- Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông.
- Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé.
- Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây.
- Công ty cổ phần Bến Bãi Vận tải Sài Gòn.
- Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.
- Công ty cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết.
- Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines.

Căn cứ Thông báo số 631/TB-KTNN ngày 16/11/2018 của Kiểm toán nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV.

Tổng công ty đề nghị các đơn vị được kiểm toán:

- Thực hiện điều chỉnh số liệu sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2017 theo kết luận của Kiểm toán nhà nước.

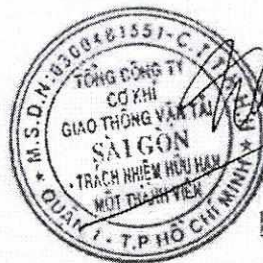
- Thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

- Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, gửi về Kiểm toán nhà nước khu vực IV và Phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty trước ngày 01/3/2019 để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT(01b).TD.8

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ TRỌNG TIẾN

Số: 309./TB-KVIV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2018

CÔNG TY CP BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

ĐẾN số 28
Ngày 10/10/2018
Chuyển

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Thực hiện Quyết định số 1407/QĐ-KTNN ngày 20/6/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV, Tổ kiểm toán số 2 thuộc Đoàn Kiểm toán nhà nước tại Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn của Kiểm toán nhà nước khu vực IV đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn từ ngày 24/7/2018 đến ngày 02/8/2018.

Trên cơ sở kết quả kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước khu vực IV thông báo kết luận và kiến nghị đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị ngày 10/8/2018 và xác nhận số liệu theo các Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06/BBKT-DN.

Sau đây là một số kết luận chủ yếu:

1. Tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính:

Xét trên khía cạnh trọng yếu, trong phạm vi và giới hạn kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán xác nhận ngày 28/02/2018, sau khi điều chỉnh theo kết quả kiểm toán, đã phản ánh trung thực tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2017.

2. Việc chấp hành chế độ tài chính, kế toán và công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

Qua kiểm toán cho thấy đơn vị quản lý tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kê khai các loại thuế theo đúng quy định pháp luật và các quy định về quản lý tài chính do đơn vị ban hành; thực hiện đối chiếu xác nhận nợ phải thu, phải trả đầy đủ; đã xây dựng đơn giá lương, quỹ lương phù hợp tốc độ tăng năng suất lao động và việc chi trả lương theo quy chế trả lương, trả thưởng; đã nộp kịp thời thuế, tiền thuê đất vào NSNN; thực hiện công tác kế toán, hạch toán theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán...

Bên cạnh đó, công tác quản lý tài chính, quản lý và sử dụng tài sản, nguồn vốn, đất đai của doanh nghiệp có vấn đề cần lưu ý sau: Hạch toán chi phí cải tạo, sửa chữa Nhà vệ sinh Bến xe Ngã Tư Ga chưa đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế



**CHI TIẾT CÁC PHÁT HIỆN SAI SÓT VỀ THU NSNN NĂM 2017
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÁI VẬN TÀI SÀI GÒN**

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0301114089	72.407.045	Do Phân bổ chi phí sửa chữa, nâng cấp Nhà vệ sinh Bến xe Ngã Tư Ga theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp.	
	Tổng cộng		72.407.045		



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng.

TÀI SẢN	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	72.367.779.865	72.367.779.865	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	39.242.369.781	39.242.369.781	0
1. Tiền	111	39.242.369.781	39.242.369.781	0
2. Các khoản tương đương tiền	112	0	0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	29.200.000.000	29.200.000.000	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	29.200.000.000	29.200.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3.925.410.084	3.925.410.084	-
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	143.910.800	143.910.800	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	539.819.192	539.819.192	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	2.000.000.000	2.000.000.000	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.241.680.092	1.241.680.092	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	0	0	0
1. Hàng tồn kho	141	0	0	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	0	0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	0	0	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	0	0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	0	0	0
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	0	0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	13.846.483.949	14.208.519.176	362.035.227
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	0	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	0	0	0
II. Tài sản cố định	220	11.250.227.824	11.250.227.824	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.031.272.403	4.031.272.403	0
- Nguyên giá	222	25.582.501.089	25.582.501.089	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(21.551.228.686)	(21.551.228.686)	0
2. Tài sản cố định vô hình	227	7.218.955.421	7.218.955.421	0
- Nguyên giá	228	9.641.419.030	9.641.419.030	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(2.422.463.609)	(2.422.463.609)	0
III. Bất động sản đầu tư	230	0	0	0
1. Nguyên giá	231	0	0	0
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232	0	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	2.596.256.125	2.596.256.125	0
1. Chi phí XDCB dở dang	241	2.596.256.125	2.596.256.125	0
2. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	242	0	0	0
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	0	0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260	0	362.035.227	362.035.227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	0	362.035.227	362.035.227
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	261	0	0	0
CỘNG TÀI SẢN	270	86.214.263.814	86.576.299.041	362.035.227
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	11.555.778.572	11.628.185.617	72.407.045
I. Nợ ngắn hạn	310	11.555.778.572	11.628.185.617	72.407.045
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	52.348.086	52.348.086	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	753.664.000	753.664.000	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.481.353.412	1.553.760.457	72.407.045
4. Phải trả người lao động	314	4.084.113.066	4.084.113.066	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	625.490.895	625.490.895	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	43.333.644	43.333.644	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	2.020.716.643	2.020.716.643	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	2.494.758.826	2.494.758.826	0

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng.

CHỈ TIÊU	Mã số	Số Báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	38.811.928.404	38.811.928.404	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	38.811.928.404	38.811.928.404	0
4. Giá vốn hàng bán	11	20.048.992.063	19.686.956.836	(362.035.227)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	18.762.936.341	19.124.971.568	362.035.227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.823.214.863	1.823.214.863	0
7. Chi phí tài chính	22	0	0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	0	0	0
9. Chi phí bán hàng	25	0	0	0
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.772.946.611	5.772.946.611	0
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	14.813.204.593	15.175.239.820	362.035.227
12. Thu nhập khác	31	246.685.705	246.685.705	0
13. Chi phí khác	32	1.900.000	1.900.000	0
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	244.785.705	244.785.705	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40)	50	15.057.990.298	15.420.025.525	362.035.227
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.924.832.564	2.997.239.609	72.407.045
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	151.200.000	151.200.000	0
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (70 = 60 - 61)	60	11.981.957.734	12.271.585.916	289.628.182
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	4.220		

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

1. Giá vốn hàng bán giảm, do: Phân bổ chi phí sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh Bến xe Ngã Tư Ga theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. 362.035.227
2. Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng, do: Giảm giá vốn hàng bán chi phí sửa chữa, nâng cấp Nhà vệ sinh Ngã Tư Ga. 362.035.227
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng, do: Xem chi tiết tại Phụ lục số 02/BBKT-DN. 72.407.045
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng, do: Kết quả kiểm toán thay đổi. 289.628.182

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NSNN TẠI NGÀY 31/12/2017

3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	-

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I	Thuế	1.481.353.412	1.553.760.457	72.407.045
1	Thuế giá trị gia tăng	813.309.820	813.309.820	0
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	633.344.765	705.751.810	72.407.045
3	Thuế thu nhập cá nhân	34.698.827	34.698.827	0
II	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0	0
	Tổng cộng	1.481.353.412	1.553.760.457	72.407.045

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng, do: Xem chi tiết tại Phụ lục số 02/BBKT-DN.

72.407.045

BẢNG TÍNH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP NĂM 2017

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo Báo cáo tài chính	15.057.990.298	15.420.025.525	362.035.227
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN			
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(433.827.475)	(433.827.475)	0
	- Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	43.333.644	43.333.644	
	- Các khoản điều chỉnh giảm doanh thu	(43.047.279)	-43.047.279	
	- Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	321.886.160	321.886.160	0
	- Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác (chi phí trích trước)	(756.000.000)	(756.000.000)	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0
	- Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế	0	0	0
	- Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	0	0	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế	14.624.162.823	14.986.198.050	362.035.227
4	Chuyển lỗ	0	0	0
5	Thu nhập được miễn thuế	0	0	0
C	Xác định thuế TNDN phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1	Thu nhập chịu thuế	14.624.162.823	14.986.198.050	362.035.227
7	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	
8	Thuế TNDN phải nộp	2.924.832.565	2.997.239.610	72.407.045
9	Thuế TNDN hoãn lại	0	0	0

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

Thuế TNDN phải nộp tăng, do: Giám giá vốn hàng bán chi phí sửa chữa, nâng cấp Nhà vệ sinh Ngã Tư Ga theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

72.407.045

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN 31/12/2017 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẬN TẢI SÀI GÒN

STT	Địa chỉ khu đất	Hồ sơ pháp lý của khu đất						Diện tích khu đất (m2)	Hiện trạng sử dụng thực tế (m2)					Ghi chú		
		Quyết định giao đất		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		Hợp đồng thuê đất			Mục đích sử dụng đất theo QĐ, GCN hoặc HĐ thuê đất	SXXD	Làm nhà ở, đất ở	Cho thuê	Đất trống chưa sử dụng		Đất thừa, thiếu so với quyết	Khác
		Số	Ngày	Số	Ngày	Số	Ngày									
1	Bến xe Ngã Tư Ga: 720 QL 1A, Khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận 12.	280/QĐ-UBND	22/01/2008	AK 44864	19/5/2008	13421/PLHD - STNMT-QLĐ	14/12/2016	Sản xuất kinh doanh (Làm bãi đậu xe Ngã Tư Ga)							Trong đó: 7500m2 phía trước bến xe Ngã Tư Ga sử dụng tạm	
2	Bến xe An Sương: QL 22, Đông Lân, Bà Điểm, Hóc Môn.	2083/QĐ -UBND	10/5/2010	CA 64732	22/10/2015	8040/PLHD-TNMT-QLSDĐ	19/10/2015	Sản xuất kinh doanh (Làm bến xe An Sương)							Trong đó: 2005,6m2 thuộc lộ giới.	
Tổng cộng								44.452,9								

